

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Tạ Văn N, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1962.

Nơi thường trú: Xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, tổ công tác của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên phối hợp cùng Công an huyện P đang làm nhiệm vụ tại khu vực xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện Dương Quang N, sinh năm 1982; trú tại: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vừa sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra tổ công tác đã thu giữ trên tay phải của N 01 chiếc xi lanh nhựa màu trắng đã qua sử dụng, N khai đó là chiếc xi lanh N vừa sử dụng ma túy xong. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc sau đó đưa N về trụ sở Công an tỉnh Thái Nguyên để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra Dương Quang N khai nhận như sau: Khoảng 19 giờ ngày 28/02/2020, N đi cùng với Nguyễn Văn D, sinh năm 1981, trú tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mỗi người góp 200.000 đồng và cùng đi đến nhà Phạm Văn T, sinh năm 1975, trú tại Xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mua được của T 01 gói ma túy (heroin) với giá 400.000 đồng. Nhận được ma túy N và D đem về chia nhau N đã sử dụng một phần cho bản thân, phần còn lại khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, N mang ra sử dụng. Khi vừa sử dụng xong thì bị lực lượng Công an phát hiện lập biên bản như đã nêu trên.

Ngay sau đó cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn D lên làm việc. Tại cơ quan điều tra D khai nhận phù hợp với lời khai của N. Ngoài ra D còn khai ngoài lần cùng với N đi mua ma túy vào ngày 28/02/2020 thì vào khoảng 18 giờ ngày 26/02/2020, D và N mỗi người góp 200.000 đồng cùng đến nhà T và mua được của T 01 gói ma túy (heroin) với giá 400.000 đồng. Nhận được ma túy N và D mang về chia nhau sử dụng hết.

Căn cứ vào lời khai của Dương Quang N và Nguyễn Văn D vào hồi 20 giờ ngày 29/02/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với đồ vật, nhà ở, khu vực xung quanh nhà ở của Phạm Văn T. Kết quả: Thu giữ 08 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng ở trong túi áo khoác màu đen được treo trên giá đặt trong phòng thứ ba bên phải theo hướng từ cửa chính nhìn vào được niêm phong (ký hiệu K); 01

cân tiểu ly điện tử, vỏ màu đen cũ đã qua sử dụng ở trong túi áo khoác màu đen được treo trên giá đặt trong phòng thứ ba bên phải theo hướng từ cửa chính nhìn vào; 01 chứng minh thư nhân dân số 090719902 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 24/10/2016 mang tên Phạm Văn T để trong ngăn kéo tủ gỗ đặt trong phòng thứ hai bên phải hướng từ cửa chính nhìn vào; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen cũ đã qua sử dụng có số Model: TA- 1063 ở trong túi quần bên trái và số tiền 1.400.000 đồng thu giữ trong túi quần bên phải của Phạm Văn T đang mặc được niêm phong (ký hiệu Đ).

Hồi 22 giờ ngày 29/02/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phối hợp cùng Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên mở niêm phong cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Phạm Văn T. Kết quả 08 (tám) gói được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng được niêm phong trong bì thư ký hiệu K có tổng khối lượng là 1,134 gam. Lấy 0,112 gam làm mẫu ký hiệu G gửi giám định còn lại 1,022 gam niêm phong ký hiệu L để lưu kho.

Tại bản kết luận giám định số 395/KL-KTHS ngày 08/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu G thu giữ của Phạm Văn T gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng gửi giám định là 0,112 gam. Tổng khối lượng thu giữ ban đầu là 1,134 gam.

Hồi 22 giờ 20 phút ngày 29/02/2020, Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong ký hiệu Đ kiểm tra nội dung bên trong chiếc điện thoại hiệu Nokia vỏ màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, có số Model: TA-1063 thu giữ của bị can T thấy: Tại phần nhật ký cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến không có nội dung gì.

Tại cơ quan điều tra Phạm Văn T khai nhận: Do bản thân là người nghiện chất ma túy lên thường xuyên phải đi mua ma túy về sử dụng và bán lại cho những người nghiện khác để kiếm lời. Khoảng 20 giờ ngày 23/02/2020, tại khu vực cổng nhà T thì T đã mua của Đào Văn H, sinh năm 1971, trú tại Xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên 01 gói ma túy (heroine) với giá 1.750.000 đồng. T mang về chia ra thành 10 gói nhỏ mục đích để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Cụ thể: Lần 1: Khoảng 18 giờ ngày 26/02/2020, tại khu vực cổng nhà mình T đã bán cho Nguyễn Văn D và Dương Quang N 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng. Lần 2: Khoảng 19 giờ ngày 28/02/2020, T lại tiếp tục bán cho D và N 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng. Số ma túy còn lại T cất giấu trong túi áo khoác treo trong phòng ngủ thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ cùng vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 80/CT-VKSPB, ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 10 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: số ma túy Heroine còn lại sau giám định, một cân tiểu ly điện tử và chiếc xi lanh nhựa đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo một chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T; tịch thu số tiền 800.000 đồng của bị cáo T do bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước; tạm giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và số tiền còn lại là 600.000 đồng của bị cáo T để đảm bảo thi hành án; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám xét, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Phạm Văn T là người nghiện chất ma túy nên đã nhiều lần đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân và bán lại cho những người nghiện khác để kiếm lời. Cụ thể: Trong 2 ngày 26/02/2020 và 28/02/2020 tại khu vực cổng nhà mình, Phạm Văn T đã hai lần bán ma túy Heroine cho Dương

Quang N và Nguyễn Văn D (N và D cùng góp tiền và cùng đến mua ma túy của T) mỗi lần một gói với giá 400.000đ. Tổng số tiền T bán ma túy cho N và D được 800.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ ngày 29/02/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của T phát hiện thu giữ 08 gói ma túy Heroine của T cất giấu trong túi áo khoác treo trong phòng ngủ cùng nhiều vật chứng liên quan.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 251 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 N đến 07 N.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 N đến 15 N:

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên

c) Đối với 02 người trở lên”

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 N đến 05 N hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo còn xâm hại trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước ta về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương, đồng thời còn làm gia tăng tệ nạn nghiện chất ma túy trên địa bàn. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải xử lý theo quy định pháp luật để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng các Huân chương kháng chiến và huân chương chiến công hạng nhất nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, dù có giảm nhẹ phần nào về hình phạt nhưng cần nên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian phù hợp để cho bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy cũng như cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo phạm tội với mục đích thu lời bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự N 2015, Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam bị cáo Phạm Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Đối với vật chứng là 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu L, bên trong có chứa 1,022 gam ma túy Heroine; 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu G, bên trong có chứa 0,097 gam ma túy Heroine còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu G; 01 (một) cân tiểu ly điện tử vỏ màu đen đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc xi lanh nhựa màu trắng đã qua sử dụng, xét thấy đây là vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T cần trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng.

Đối với vật chứng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen số mdelTA-1063 máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo T xét thấy không liên quan tới hành vi phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu số tiền 800.000 đồng của bị cáo do bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.400.000 đồng thu giữ của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội về tội danh, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[8] Về nguồn gốc số ma túy thu giữ Phạm Văn T khai nhận mua của Đào Văn H, sinh N 1971, trú tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra Hội không thừa nhận việc bán ma túy cho T. Cơ quan điều tra Công an huyện P đã tiến hành đối chất giữa H và T nhưng H không thừa nhận hành vi bán ma túy cho T. T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc H có bán ma túy cho T. Do đó không đủ căn cứ để xử lý đối với Đào Văn H.

Trong vụ án này còn có Dương Quang N và Nguyễn Văn D đã nhiều lần mua ma túy của T để sử dụng cho bản thân, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo theo khoản 1, Điều 21, Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ đối với Dương Quang N và Nguyễn Văn D là phù hợp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu một khoản án phí HSST sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 251; khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **09** (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/02/2020.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung (phạt tiền) Phạm Văn T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp sung công quỹ Nhà nước.

4. Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam bị cáo Phạm Văn T với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

5. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu L, bên trong có chứa 1,022 gam ma túy Heroine; 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu G, bên trong có chứa 0,097 gam ma túy Heroine còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu G; 01 (một) cân tiểu ly điện tử vỏ màu đen đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc xi lanh nhựa màu trắng đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T.

Tịch thu số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) của bị cáo Phạm Văn T do bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

Tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen số model: TA-1063 máy cũ đã qua sử dụng và số tiền còn lại 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Phạm Văn T để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P và Ủy nhiệm chi số 151 ngày 03/7/2020 giữa đơn vị trả tiền Công an huyện P và đơn vị nhận tiền Chi cục thi hành án dân sự huyện P).

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Phạm Văn T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Quang N, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang